

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 215/2023/HS-ST.
Ngày 23 - 5 - 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH Đ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh.

Bà Thiều Thị Phi Loan.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Như Nền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 79/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2023/QĐXXST - HS ngày 29 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 338/2023/HSST - QĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Nguyễn Tấn Đ1**, sinh năm 1998 tại thành phố H (có mặt); Nơi đăng ký thường trú: Tổ 13, khu phố Bình Hóa, phường H1, thành phố B, tỉnh Đ; chỗ ở hiện nay: Thuê trọ tại tổ 12, khu phố 5A, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Lệ H2, sinh năm 1974; chung sống như vợ chồng với chị Đỗ Thị Hoàng A, sinh năm 2003, có 01 con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giữ ngày 01/6/2022, chuyển tạm giam theo Lệnh số 644 ngày 09/6/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ.

2/ Họ và tên: **Lê Đức Q**, sinh năm 1999 tại H3(có mặt); Nơi đăng ký thường trú: Tổ 18, khu phố 5A, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; chỗ ở hiện nay: Thuê trọ tại tổ 12, khu phố 5A, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo:

không; quốc tịch: Việt Nam; Không rõ cha ruột (họ, tên, địa chỉ, còn sống hay đã chết); con bà Lê Thị M, sinh năm 1971; chưa có vợ; con.

Tiền án: Ngày 11/5/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. (Bản án số: 218/2020/HS-ST ngày 11/5/2020). Ngày 15/3/2021, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 31/8/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xử phạt 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Cướp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Khi phạm tội, bị cáo dưới 18 tuổi. Ngày 04/6/2017, bị cáo chấp hành xong bản án. (Bản án số 516/2016/HSST ngày 31/8/2016).

Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ ngày 03/6/2022, chuyển tạm giam theo Lệnh số 642/LTG ngày 09/6/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ.

3/ Họ và tên: **Quán Phan Huy H4**, sinh năm 2001 tại tỉnh Đ (có mặt); Nơi cư trú: 3/68, tổ 11, khu phố 10, phường T1, thành phố B, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quán Văn P1, sinh năm 1952 và bà Phan Thị Hồng H5, không rõ năm sinh (đã chết); chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

4/ Họ và tên: **Nguyễn Công M1**, sinh năm 2002 tại thành phố H (có mặt); Nơi đăng ký thường trú: K3/132C, khu phố 1, phường B1, thành phố B, tỉnh Đ; Chỗ ở hiện nay: Thuê trọ tại tổ 12, khu phố 5A, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con Nguyễn Công B2, sinh năm 1952 (đã chết) và bà Đỗ Thị A1, sinh năm 1976; chưa có vợ, con.

Tiền án: Ngày 28/4/2021, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xử phạt 16 (mười sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngày 29/4/2022, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. (Bản án số 239/2021/HS-ST ngày 28/4/2021).

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 27/12/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xử phạt 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Khi phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi. Ngày 28/12/2020, bị cáo chấp hành xong bản án. (Bản án số 616/2019/HS-ST ngày 27/12/2019).

Bị bắt khẩn cấp và tạm giữ ngày 03/6/2022, chuyển tạm giam theo Lệnh số 643/LTG ngày 09/6/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ.

- Bị hại:

1/ Anh **Vũ Văn P2**, sinh năm 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Khu phố 1, phường T3, thành phố B, tỉnh Đ.

Hiện đang chấp hành tại Cơ sở cai nghiện ma túy P. (Địa chỉ: Thôn 1, xã P3, huyện B3, tỉnh B4).

2/ Anh **Võ Anh T2**, sinh năm 1997 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: A4/246E, khu phố 4, phường T3, thành phố B, tỉnh Đ.

Hiện đang bị tạm giam điều tra vụ trộm cắp tài sản tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh **Phan Thành C**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp 17, xã V, huyện T4, tỉnh S.

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.

2/ Chị **Trần Thị D**, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: 3/3, tổ 25B, khu phố 4, phường B5, thành phố B, tỉnh Đ.

3/ Anh **Nguyễn Thành D1**, sinh năm 2001 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 13A, khu phố Bình Hòa, phường H1, thành phố B, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tấn Đ1, Lê Đức Q, Nguyễn Công M1 và Quán Phan Huy H4 là bạn với nhau. Đ1, Q và M1 đều thuê trọ và ở chung dãy nhà trọ thuộc tổ 12, khu phố 5A, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Ngày 27/5/2022, Đ1 mượn của chị Trần Thị D, sinh năm 1990, cư trú tại 3/3, tổ 25B, khu phố 4, phường B5, thành phố B, tỉnh Đ 01 chiếc xe mô tô biển số 60F1-214.75 để sử dụng. Sau đó, Đ1 cho anh Phan Thành C, sinh năm 1984, cư trú tại tổ 9, khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Đ mượn lại chiếc xe mô tô trên và đi đến nhà trọ của anh Nguyễn Thanh L1 tại tổ 9, khu phố T6, phường H6, thành phố B, tỉnh Đ gặp anh Võ Anh T2, sinh năm 1997, cư trú tại phường T3, thành phố B, tỉnh Đ, em họ anh L1 để đòi tiền anh T2 nợ C trước đó. Anh T2 không có tiền trả nên C điều khiển xe đi về.

Khoảng 16 giờ ngày 28/5/2022, anh C trả lại xe mô tô trên cho Đ1. Sau đó Đ1 giao trả xe mô tô trên cho chị D. Chị D kiểm tra trong cốp xe phát hiện bị mất đôi bông tai bằng vàng 18k, 01 nhẫn vàng, 01 thẻ ATM. Thấy vậy, Đ1 điện thoại báo cho C biết việc bị mất tài sản trong cốp xe nêu trên. C nói cho Đ1 biết trước

đó C có chạy xe mô tô đến nhà anh L1 gặp anh Võ Anh T2 và Vũ Văn P2, sinh năm 1992, nơi ở khu phố 1, phường T3, thành phố B, tỉnh Đ, là bạn của anh L1, C nghi ngờ anh P2 hoặc anh T2 trộm cắp tài sản trong cốp xe trên.

Khoảng 14 giờ ngày 29/5/2022, Đ1 điều khiển xe mô tô biển số 59F2-157.64 (Đ1 mượn của anh Nguyễn Thành D1 là em trai Đ1) đến nhà anh L1 thì gặp P2, T2. Đ1 hỏi P2, T2 có lấy trộm vàng, tiền trong cốp xe mô tô biển số 60F1-214.75 do anh C chạy tới nhà anh L1 hay không, anh P2 và T2 trả lời không lấy trộm tài sản thì Đ1 yêu cầu anh P2 đi cùng Đ1 đến phòng trọ của Đ1 để nói chuyện, anh P2 đồng ý.

Đến 14 giờ 30 phút cùng ngày, Đ1 chở anh P2 về đến phòng trọ số 10, nhà không số thuộc tổ 12, khu phố 5A, phường T, thành phố B, tỉnh Đ do Đ1 thuê trọ. Tại đây, Đ1 tiếp tục tra hỏi anh P2. Một lúc sau, Đ1 nói chị Đỗ Thị Hoàng A (bạn gái sống chung phòng với Đ1) đi mua nước uống. Thấy vậy, anh P2 móc trong túi ra 950.000đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) và tự nguyện đưa cho chị A 50.000đồng (Năm mươi nghìn đồng) để mua nước. Còn 900.000đồng (Chín trăm nghìn đồng) anh P2 để dưới nền trong phòng trọ của Đ1 và lấy chiếc điện thoại Iphone 5S của anh P2 để lên xấp tiền. Lúc này, Q, M1 và H4 (đang chơi phòng trọ của M1) đi sang phòng trọ của Đ1 chơi. M1, Q, H4 nghe Đ1 kể lại việc bị mất trộm tài sản trong cốp xe và nghi ngờ P2 lấy trộm nên M1, Q, H4, Đ1 thay nhau tra hỏi anh P2. Thấy anh P2 không nói ra người trộm tài sản thì M1 dùng tay tát một cái trúng vào mặt và dùng chân đá 01 cái trúng lưng của anh P2 (không gây thương tích), sau đó M1 bỏ đi chơi. Lúc này, còn lại Đ1, Q, H4 tiếp tục thay nhau tra hỏi và cùng xông vào dùng tay chân tát, đá vào người, mặt anh P2. Anh P2 van xin nhưng Đ1, Q, H4 vẫn đánh anh P2. Trong lúc Đ1, Q, H4 đánh anh P2 thì H4 dùng đũa ăn cơm đâm 01 cái trúng ngực phải anh P2 và dùng chân đá 02 cái trúng hàm trái anh P2 làm anh P2 gãy xương hàm và chảy máu miệng nằm ngất xỉu; tiền và điện thoại của anh P2 bị văng vãi trong phòng. Sau đó, H4 và Q đi ra ngoài hành lang phòng trọ chơi. Đ1 nhặt gồm 900.000đồng (Chín trăm nghìn đồng), sau đó chiếm đoạt tờ tiền mệnh giá 500.000đồng (năm trăm nghìn đồng) và chiếc điện thoại Iphone 5S của anh P2 cất giấu trong túi quần, còn 400.000đồng (Bốn trăm nghìn đồng), Đ1 để lại trên nền gạch trong phòng trọ của Đ1 (H4 và Q không biết Đ1 chiếm đoạt tài sản của P2). Một lúc sau thì anh P2 tỉnh lại thấy mất 500.000đồng và điện thoại của anh P2 nhưng anh P2 sợ bị nhóm Đ1 tiếp tục đánh nên không dám đòi lại tài sản. Anh P2 xin Đ1 thả về nhưng Đ1 đe dọa và giữ không cho anh P2 đi về.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Q đi vào phòng trọ của Đ1 nói Đ1 đi mua cơm cho mọi người ăn. Thấy vậy, P2 tự nguyện lấy 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) của anh P2 để trên nền gạch đưa cho Đ1 và nói mua cơm cho anh P2 và mọi người cùng ăn. Nhận 200.000đồng (Hai trăm nghìn) của anh P2, Đ1 đưa cho Q. Sau đó, H4 sử dụng xe mô tô chở Q đi ra khu vực gần phòng trọ của Đ1 mua

cơm. Do không tìm thấy tiệm bán cơm nên Q và H4 bỏ đi chơi và ghé quán nước tiêu xài hết số tiền anh P2 giao đi mua cơm. Trong khoảng thời gian, Q, H4, M1 không có mặt tại phòng trọ của Đ1 thì đối tượng Trần Gia B6 (chưa rõ nhân thân lai lịch, thuê trọ một mình chung dãy trọ với Đ1) đi sang phòng trọ của Đ1 tự ý lấy 200.000đồng (hai trăm nghìn) của anh P2 (trong đó, có 01 tờ 100.000đồng, 02 tờ 50.000đồng) để trên nền gạch. Sau đó, B6 chia lại cho Đ1 giữ 50.000đồng (năm mươi nghìn đồng), còn 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) B6 cầm bỏ đi. Sau đó, Đ1 sử dụng 50.000đồng (năm mươi nghìn đồng) mua nước tiêu xài cá nhân hết.

Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, H4 và Q quay lại phòng trọ của Đ1, sau đó Q đi về phòng trọ của Q. Lúc này trong phòng có Đ1, H4, anh P2 và chị A. Đ1 mượn xe mô tô của H4 chở chị A về nhà cha mẹ của Đ1 tại phường H1, thành phố B. Khi Đ1 bỏ đi (chỉ còn có H4 và anh P2) ở trong phòng trọ của Đ1, anh P2 có xin H4 thả cho P2 đi về, H4 không đồng ý và yêu cầu anh P2 đợi Đ1 về hỏi ý kiến Đ1 nên anh P2 không dám bỏ trốn. Một lúc sau thì M1 đi chơi về sang phòng trọ của Đ1. M1 tiếp tục tra hỏi anh P2 và tiếp tục dùng tay tát 01 cái trúng mặt anh P2. Đến 21 giờ cùng ngày, Đ1 chở chị A đi về phòng trọ của Đ1. Đ1 hỏi M1 lý do không gọi điện cho M1 được, M1 nói đã cầm điện thoại nên Đ1 đưa cho M1 mượn chiếc điện thoại Iphone 5S của anh P2 (Đ1 đã chiếm đoạt của anh P2 trước đó) sử dụng nhưng M1 không biết điện thoại trên do Đ1 chiếm đoạt của anh P2. Sau đó, H4 lấy xe mô tô bỏ về nhà. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì Q đi sang phòng trọ của Đ1, M1 bỏ về phòng trọ ngủ. Đ1 và Q tiếp tục thay nhau canh giữ P2 và Q dùng tay tát 01 cái vào mặt anh P2.

Đến khoảng 08 giờ ngày 30/5/2022, Đ1 điện thoại cho anh T2 nói đến phòng trọ của Đ1 để đối chất với anh P2, anh T2 đồng ý. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, Đ1 nhờ M1 chạy xe mô tô biển số 59F2-157.64 đến nhà anh L1 chở T2 về phòng trọ của Đ1. Khi anh T2 vừa đến cửa phòng trọ của Đ1 thì Q, Đ1, M1 tra hỏi anh T2 việc lấy trộm tài sản trong cốp xe mô tô, anh T2 nói không lấy trộm và không biết người nào. Sau đó Q bỏ về phòng trọ. Còn Đ1, M1 dẫn anh T2 vào trong phòng trọ của Đ1 và tra hỏi anh T2 và P2 nhưng cả hai không thừa nhận. M1 dùng tay tát 01 cái vào mặt T2 và dùng lời nói đe dọa ép buộc anh P2 và T2 phải nói ra người đã trộm cắp tài sản. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, chị A đi ra ngoài phòng trước, M1 và Đ1 đóng cửa phòng trọ của Đ1 và lấy ổ khóa móc vào khoen cửa đóng chốt cửa bên ngoài cửa phòng lại giữ nhốt anh P2, T2 không cho ra ngoài rồi cả hai bỏ đi ăn cơm. Anh P2, T2 lo sợ bị đánh nên không dám kêu la cầu cứu. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Đ1, M1 đi về đứng ngoài cửa phòng tiếp tục tra hỏi anh P2 và anh T2. Do sợ bị đánh và muốn được ra ngoài đi về nên anh P2 và T2 nói dối C là người lấy tài sản trong cốp xe nên Đ1 mở cửa phòng cho anh T2 và P2 đi về.

Sau khi thả anh P2 và anh T2 về nhà, Đ1 gặp hỏi anh C về việc tài sản trong cốp xe mô tô do C mượn Đ1 bị mất. C không nhận mình lấy tài sản và nói nghi ngờ anh P2 và T2 lấy trộm nên Đ1 nảy sinh ý định bắt, giữ anh P2 về phòng trọ của Đ1 để đối chất với anh C.

Khoảng 22 giờ ngày 31/5/2022, Đ1 rủ Q, M1, H4 đi tìm bắt anh P2 về phòng trọ của Đ1 để tiếp tục tra hỏi thì Q, M1, H4 đều đồng ý. Sau đó Q rủ thêm Phan Văn K1 và Lê Văn T5 (chưa rõ lai lịch, bạn của Q) đi cùng. Trước khi đi thì Q lấy tại phòng trọ của Đ1 02 lưỡi kéo (từ 01 cái kéo bị bung chốt), cán nhựa màu xanh, lưỡi bằng kim loại giấu vào trong người Q để làm hung khí. Sau đó, H4 sử dụng xe mô tô 59F2-157.64 (xe của Đ1) chở K1, Đ1 sử dụng xe mô tô hiệu Sonic (không rõ biển số) của K1 còn Q sử dụng xe mô tô hiệu Raider (không rõ biển số) của T5 chở T5 xuất phát từ phòng trọ của Đ1 chạy tới nhà anh L1. Khi Đ1, Q, M1, H4, T5, K1 đến nhà anh L1 thì thấy P2 đang nằm ngủ trên võng, Đ1 dùng tay khều chân đánh thức anh P2 dậy, còn M1 dùng tay nắm cổ áo của P2 khống chế rồi anh P2 kéo lên xe mô tô do H4 đợi sẵn. Anh P2 kháng cự bị Q dùng 01 lưỡi kéo đe dọa đâm anh P2, anh P2 lo sợ ngồi lên xe mô tô của H4, M1 ngồi phía sau khống chế, sau đó H4 chở anh P2 chạy về phòng trọ của Đ1. Đ1, Q, K1, T5 chạy xe phía sau cùng về phòng trọ của Đ1. Sau đó H4, K1, T5 bỏ đi, còn Đ1, M1, Q tiếp tục tra hỏi anh P2. Đ1 sử dụng 01 cái cửa sắt dài khoảng 50cm đe dọa anh P2. Đ1 dùng điện thoại có thuê bao 0385.191.737 quay phim ghi hình và nhốt giữ anh P2 tại phòng trọ của Đ1. Trong lúc tra hỏi anh P2 thì Q biết được gia đình anh P2 đã báo Công an và đi tìm anh P2 nên Q báo cho nhóm Đ1 biết. Sau đó, Q, M1 bỏ đi còn Đ1 bắt anh P2 lên gác trong phòng trọ của Đ1 rồi đóng cửa phòng, tắt điện để tránh Công an phát hiện. Đến 02 giờ 30 phút ngày 01/6/2022, Công an phường T, thành phố B đến phòng trọ của Đ1 giải cứu cho anh P2 và bắt quả tang Đ1.

Ngày 02/6/2022, Lê Đức Q đến Công an phường T đầu thú. Ngày 03/6/2022, Nguyễn Công M1 bị bắt khẩn cấp.

* Vật chứng, tài sản đồ vật thu giữ, gồm:

- 02 lưỡi kéo cán nhựa màu xanh, lưỡi bằng kim loại là công cụ của Lê Đức Q và đồng phạm mang theo khống chế bắt giữ bị hại anh Vũ Văn P2 ngày 31/5/2022.

- 01 ổ khóa Việt tiếp màu vàng, Đ1, M1 sử dụng để khóa nhốt bị hại anh Vũ Văn P2 ngày 30/5/2022.

- 01 cửa tay bằng kim loại màu đen, cán bằng INOX màu trắng ốp vỏ nhựa màu đen hình vòng cung, dài 50cm, bản rộng 05cm là công cụ Nguyễn Tấn Đ1 và đồng phạm sử dụng đe dọa bị hại anh Vũ Văn P2.

- 01 điện thoại di động hiệu Realme C11, số imei: 864408043185297, số thuê bao 0385.191.737 là tài sản của Nguyễn Tấn Đ1 sử dụng làm phương tiện quay phim trong lúc bắt giữ, đe dọa đánh bị hại anh P2.

- 01 xe mô tô biển số 59F2-157.64 là tài sản của anh Nguyễn Thành D1 (em của Đ1). Anh D1 cho Đ1 mượn xe nhưng không biết Đ1 sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã giao trả xe mô tô trên cho anh Nguyễn Thành D1.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu vàng, bị bể màn hình, số imei: 358806050108982 (M1 đưa cho chị A giao nộp Cơ quan Công an) và 01 tờ tiền giấy mệnh giá 500.000đồng (Năm trăm nghìn đồng) thu giữ trong túi quần của Đ1 là tài sản của bị hại anh Vũ Văn P2 do Nguyễn Tấn Đ1 chiếm đoạt. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã giao trả cho bị hại anh Vũ Văn P2.

* Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số 0707/TgT/2022 ngày 05/7/2022 của Giám định viên Trung tâm pháp y Sở y tế Đ kết luận anh Vũ Văn P2 bị thương tích như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Tổn thương gãy xương hàm dưới trái hiện can xấu, hạn chế há miệng, khớp cắn sai. Tỷ lệ 21%.

2. Kết luận:

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Vũ Văn P2 là: 21% (Hai một phần trăm).

3. Kết luận khác:

-Vật gây thương tích: vật tày.

* Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 240/KL-HĐĐGTS ngày 01/7/2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố B kết luận: 01 (một) điện thoại di động Iphone 5S loại 16GB, trị giá là 600.000đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ và giao trả 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S và 500.000đồng (Năm trăm nghìn đồng) cho anh P2 và đã giao trả cho anh P2. Riêng số tiền 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) B6 chiếm đoạt của anh P2, sau đó chia lại cho Đ1 50.000đồng, anh P2 không yêu cầu trả lại tài sản cho anh P2.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình Nguyễn Tấn Đ1 và Quán Phan Huy H4 đã liên đới bồi thường chi phí điều trị thương tích và các yêu cầu khác cho bị hại anh Vũ Văn P2 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng). Bị hại Vũ Văn P2 đã bãi nại cho Nguyễn Tấn Đ1 và Quán Phan Huy H4. Anh P2 không yêu cầu Lê Đức Q, Nguyễn Công M1 bồi thường trách nhiệm dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Đ1, H4. Riêng bị hại anh Võ Anh T2 không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Bản cáo trạng số: 107/CT-VKSBH ngày 16/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo:

Nguyễn Tấn Đ1 về các tội “Cướp tài sản” và “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo điểm c khoản 2 Điều 168; điểm d, đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Lê Đức Q, Quán Phan Huy H4 về các tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 2 Điều 157; điểm i khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Nguyễn Công M1 về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 168; điểm d, đ khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Đ1:

- Từ 07 (bảy) năm tù đến 08 (tám) năm tù về tội “Cướp tài sản”.
- Từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 157; điểm i khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm d, h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Đức Q:

- Từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.
- Từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm d, h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công M1:

- Từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 157; điểm i khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Quán Phan Huy H4:

- Từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.
- Từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra gia đình các bị cáo Nguyễn Tấn Đ1 và Quán Phan Huy H4 đã liên đới bồi thường chi phí điều trị thương tích và các yêu cầu khác cho bị hại anh Vũ Văn P2 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng). Bị hại Vũ Văn P2 đã bãi nại cho các bị cáo Nguyễn Tấn Đ1 và Quán Phan Huy H4. Anh P2 không yêu cầu các bị cáo Lê Đức Q, Nguyễn Công M1 bồi thường trách nhiệm dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Đ1, H4, Q, M1. Riêng bị hại anh Võ Anh T2 không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) lưỡi kéo, cán nhựa màu xanh, lưỡi bằng kim loại; 01 (một) ổ khóa Việt tiếp màu vàng và 01 (một) cửa tay bằng kim loại màu đen, cán bằng INOX màu trắng ốp vỏ nhựa màu đen hình vòng cung, dài 50cm, bản rộng 05cm, là công cụ Nguyễn Tấn Đ1 và đồng phạm sử dụng đe dọa và bắt, giữ bị hại anh Vũ Văn P2 và anh Võ Anh T2.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme C11, số imei: 864408043185297, số sim 0385.191.737 (màn hình bị bể) là tài sản của bị cáo Nguyễn Tấn Đ1 sử dụng làm phương tiện phạm tội.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Tấn Đ1 kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Lê Đức Q kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Công M1 kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Quán Phan Huy H4 kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, các chứng cứ khác có tại hồ sơ và cáo trạng Viện

kiểm sát nhân dân thành phố B mô tả. Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận: Từ lúc 14 giờ 30 phút ngày 29/5/2022 đến 02 giờ 30 phút ngày 01/6/2022, tại phòng trọ số 10, nhà không số thuộc tổ 12, khu phố 5A, phường T, thành phố B và tổ 9, khu phố T6, phường H6, thành phố B, tỉnh Đ, bị cáo Nguyễn Tấn Đ1 nghi ngờ anh Vũ Văn P2 và anh Võ Anh T2 trộm tài sản trong cốp xe mô tô biển số 60F1-214.75 của chị Trần Thị D (bạn của bị cáo Đ1), bị cáo Đ1 có hành vi rủ rê và cùng với các bị cáo Lê Đức Q, Quán Phan Huy H4 và Nguyễn Công M1 bắt, giữ nhốt anh P2 trái pháp luật 02 lần; giữ nhốt anh T2 trái pháp luật 01 lần. Cụ thể:

Từ 14 giờ 30 phút ngày 29/5/2022 đến 15 giờ 00 ngày 30/5/2022, các bị cáo Đ1, Q, M1 và H4 đã có hành vi 01 lần giữ nhốt anh P2 trong phòng trọ của bị cáo Đ1 không cho ra ngoài.

Ngày 30/5/2022, các bị cáo Đ1 và M1 đã có hành vi 01 lần giữ nhốt anh T2 trong phòng trọ của bị cáo Đ1 không cho ra ngoài.

Từ ngày 31/5/2022 đến ngày 01/6/2022, các bị cáo Đ1, Q, M1, H4 đã có hành vi 01 lần đến nơi ở của anh P2 thuộc tổ 9, khu phố T6, phường H6, thành phố B dùng vũ L1 đe dọa, khống chế bắt, giữ anh P2 đưa về phòng trọ của bị cáo Đ1 nhốt tra hỏi ép buộc anh P2 khai nhận mình lấy trộm tài sản trong cốp xe mô tô biển số 60F1-214.75.

Vào ngày 29/5/2022, tại phòng trọ nêu trên, trong lúc các bị cáo Đ1, Q và H4 tra hỏi ép buộc anh P2 khai ra người đã trộm cắp tài sản trong cốp xe mô tô biển số 60F1-214.57, thì các bị cáo Đ1, Q và H4 có hành vi dùng tay tát, dùng chân đá nhiều cái trúng người, hăm anh P2. Hậu quả, anh P2 bị thương tích gãy xương hàm dưới trái, với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 21% (Hai mươi một phần trăm).

Ngoài các hành vi nêu trên, cùng thời gian và địa điểm, trong quá trình bị cáo Đ1 giữ nhốt, đánh anh P2 bị thương tích 21%, làm anh P2 bị tê liệt ý chí, bị cáo Đ1 đã có hành vi chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S trị giá 600.000đồng (Sáu trăm nghìn đồng) và số tiền 550.000đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) của anh P2.

Đến 02 giờ 30 phút ngày 01/6/2022, trong lúc anh P2 đang bị nhóm bị cáo Đ1 bắt, giữ nhốt trong phòng của bị cáo Đ1 thì Công an phường T, thành phố B đến giải cứu cho anh P2.

Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số: 0707/TgT/2022 ngày 05/7/2022 của Giám định viên Trung tâm pháp y Sở y tế Đ kết luận anh Vũ Văn P2 bị thương tích:

- Tổn thương gãy xương hàm dưới trái hiện can xấu, hạn chế há miệng, khớp cắn sai. Tỷ lệ 21%.

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Vũ Văn P2 là: 21% (Hai mươi một phần trăm).

* Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 240/KL-HĐĐGTS ngày 01/7/2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố B kết luận: 01 (một) điện thoại di động Iphone 5S loại 16Gb, trị giá là 600.000đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

Hành vi của bị cáo Nguyễn Tấn Đ1 đã phạm vào các tội “Cướp tài sản” và “Bắt, giữ người trái pháp luật” điểm c khoản 2 Điều 168; điểm d, đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo Lê Đức Q đã phạm vào các tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 2 Điều 157; điểm i khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Công M1 đã phạm vào tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo điểm d khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo Quán Phan Huy H4 đã phạm các tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 2 Điều 157; điểm i khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của con người, xâm phạm quyền tự do của con người được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Nên cần có một mức án nghiêm nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Trong vụ án bị cáo Nguyễn Tấn Đ1 là người rủ rê, lôi kéo các bị cáo Lê Đức Q, Quán Phan Huy H4, Nguyễn Công M1 và thực hành tích cực bắt, giữ bị hại anh Vũ Văn P2 trái pháp luật 01 lần vào ngày 31/5/2022 đến ngày 01/6/2022; thực hành tích cực hành vi giữ bị hại anh P2 và bị hại anh T2 trái pháp luật 01 lần vào ngày 29/5/2022 và ngày 30/5/2022; thực hành tích cực hành vi cướp tài sản 01 điện thoại di động trị giá 600.000đồng (Sáu trăm nghìn đồng) và số tiền 550.000đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng) của bị hại anh P2 vào ngày 29/5/2022.

Các bị cáo Lê Đức Q, Quán Phan Huy H4 là người thực hành tích cực hành vi gây thương tích cho bị hại Vũ Văn P2 vào ngày 29/5/2022; giữ bị hại P2 trái pháp luật 01 lần từ ngày 29/5/2022 đến ngày 30/5/2022 và bắt, giữ bị hại P2 trái pháp luật 01 lần vào ngày 31/5/2022 đến 01/6/2022.

Bị cáo Nguyễn Công M1 là người thực hành tích cực hành vi giữ bị hại anh Vũ Văn P2 và anh Võ Anh T2 trái pháp luật 01 lần vào ngày 29/5/2022 và ngày 30/5/2022; thực hành tích cực hành vi bắt, giữ bị hại anh P2 trái pháp luật 01 lần vào ngày 31/5/2022 đến ngày 01/6/2022.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Công M1, Lê Đức Q phạm tội có tính chất côn đồ và thuộc trường hợp tái phạm quy định tại các điểm d, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Tấn Đ1, Lê Đức Q, Quán Phan Huy H4 và Nguyễn Công M1 thành khẩn khai báo. Sau khi phạm tội, bị cáo Q ra đầu thú. Riêng các bị cáo Nguyễn Tấn Đ1, Quán Phan Huy H4 có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; đã bồi thường tiền điều trị thương tích và các yêu cầu dân sự khác cho bị hại, được bị hại bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Đ1, H4 theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra gia đình các bị cáo Nguyễn Tấn Đ1 và Quán Phan Huy H4 đã liên đới bồi thường chi phí điều trị thương tích và các yêu cầu khác cho bị hại anh Vũ Văn P2 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng). Bị hại anh Vũ Văn P2 xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Tấn Đ1 và Quán Phan Huy H4. Anh P2 không yêu cầu các bị cáo Lê Đức Q, Nguyễn Công M1 bồi thường trách nhiệm dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Đ1, H4, Q, M1. Riêng bị hại anh Võ Anh T2 không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) lưỡi kéo, cán nhựa màu xanh, lưỡi bằng kim loại; 01 (một) ổ khóa Việt tiếp màu vàng và 01 (một) cửa tay bằng kim loại màu đen, cán bằng INOX màu trắng ốp vỏ nhựa màu đen hình vòng cung, dài 50cm, bản rộng 05cm, là công cụ Nguyễn Tấn Đ1 và đồng phạm sử dụng đe dọa và bắt, giữ bị hại anh Vũ Văn P2 và anh Võ Anh T2.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme C11, số imei: 864408043185297, số sim 0385.191.737 (màn hình bị bể) là tài sản của bị cáo Nguyễn Tấn Đ1 sử dụng làm phương tiện phạm tội.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ).

[7] Kết quả điều tra đã xác định được ngày 29/5/2022, trong lúc các bị cáo Nguyễn Công M1, Đ1, Q, H4 tra hỏi anh P2, bị cáo M1 dùng tay tát 01 cái vào mặt và dùng chân đá 01 cái trúng lưng anh P2, sau đó M1 bỏ đi chơi. Còn lại có các bị cáo Đ1, Q, H4 cùng xông vào dùng tay, chân đánh anh P2, trong đó H4 dùng chân đá trúng hàm anh P2 làm gãy xương hàm dưới trái anh P2 gây thương tích 21%. Các bị cáo Đ1, M1, H4, Q đều khai: Trước và sau khi bị cáo M1 đánh anh P2 và bỏ đi thì các bị cáo M1, Đ1, Q, H4 không bàn bạc, rủ rê, kích động, hô hào đánh bị hại anh P2. Bị cáo M1 khai không biết diễn biến vụ việc các bị cáo Đ1, Q, H4 đánh anh P2 gây thương tích gãy xương hàm. Các bị cáo M1, Q, H4 khai sau khi đi về phòng trọ của các bị cáo Đ1, M1 tiếp tục dùng tay tát 01

cái vào mặt của anh P2 nhưng không xác định có gây nên thương tích cho anh P2 hay không. Anh P2 khai, sau khi bị cáo M1 bỏ đi, thời điểm anh P2 bị đánh gãy xương hàm là trong lúc các bị cáo Đ1, Q, H4 cùng đánh anh P2 gãy ra. Bị cáo H4 khai đã dùng chân đá trúng hàm anh P2. Ngoài ra, quá trình điều tra: bị cáo Đ1 khai, trong lúc các bị cáo Đ1, H4, Q đánh anh P2 ngất xỉu, bị cáo Đ1 đã chiếm đoạt tiền 500.000 đồng và điện thoại di động Iphone 5S của anh P2 giấu trong túi quần. Các bị cáo Q, H4 khai, sau khi đánh anh P2 bị thương tích nằm ngất xỉu, tiền và điện thoại của anh P2 văng ra trong phòng thì bị cáo Q và H4 bỏ ra ngoài phòng trọ. Khi vào phòng trọ không thấy điện thoại và tờ tiền 500.000 đồng của anh P2, bị cáo Q và H4 không xác định được có phải bị cáo Đ1 chiếm đoạt hay không. Đối với chiếc điện thoại Iphone 5S, bị cáo Đ1 chiếm đoạt của anh P2 sau đó bị cáo Đ1 cho bị cáo M1 mượn, bị cáo M1 khai không biết là tài sản của P2 do bị cáo Đ1 chiếm đoạt. Bị cáo Đ1 khai khi cho bị cáo M1 mượn điện thoại bị cáo Đ1 không nói nguồn gốc. Kết quả điều tra không đủ cơ sở chứng minh các bị cáo Lê Đức Q, Quán Phan Huy H4 và Nguyễn Công M1 đồng phạm với bị cáo Đ1 về tội “Cướp tài sản” và không đủ cơ sở để khởi tố bị cáo Nguyễn Công M1 về hành vi “Cố ý gây thương tích”.

[8] Đối với chị Đỗ Thị Hoàng A, quá trình điều tra xác định: Chị A sống chung như vợ chồng với bị cáo Đ1 tại phòng trọ. Quá trình nhóm bị cáo Đ1 bắt, giữ và đánh anh Vũ Văn P2, anh Võ Anh T2, chị A có chứng kiến và can ngăn nhưng bị Đ1 chửi nên lo sợ không dám trình báo Cơ quan Công an. Quá trình điều tra, các bị cáo Đ1, Q, M1, H4 đều khai chị A không tham gia bắt, giữ, đánh đập, cướp tài sản của các bị hại, trong lúc đánh bị hại anh P2, chị A có can ngăn nhóm bị cáo Đ1. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không xử lý đối với chị Đỗ Thị Hoàng A liên quan đến các hành vi phạm tội của các bị cáo Đ1, M1, Q, H4.

[9] Đối với đối tượng tên Lê Văn T5, Phan Văn K1 và Trần Gia B6, Công an thành phố B tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

[10] Đối với vụ việc chị Trần Thị D khai bị mất tài sản trong cốp xe mô tô biển số 60F1-214.75, ngày 27/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định tách vụ việc mất trộm tài sản nêu trên để tiếp tục điều tra xử lý sau.

[11] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Tấn Đ1, Lê Đức Q, Nguyễn Công M1 và Quán Phan Huy H4 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn Đ1 phạm các tội “Cướp tài sản” và “Bắt, giữ

người trái pháp luật”.

Tuyên bố bị cáo Lê Đức Q phạm các tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và “Cố ý gây thương tích”.

Tuyên bố bị cáo Quán Phan Huy H4 phạm các tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và “Cố ý gây thương tích”.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công M1 phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 168; điểm d, đ khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Đ1:

- 07 (bảy) năm tù về tội “Cướp tài sản”.

- 03 (ba) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Tấn Đ1 phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2022.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 157; điểm i khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; điểm d, h khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Đức Q:

- 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

- 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Đức Q phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2022.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 157; điểm i khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Quán Phan Huy H4:

- 02 (hai) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

- 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Quán Phan Huy H4 phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án phạt tù.

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; điểm d, h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công M1 03 (ba) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2022.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) lưỡi kéo, cán nhựa màu xanh, lưỡi bằng kim loại; 01 (một) ổ khóa Việt tiếp màu vàng và 01 (một) cửa tay bằng kim loại màu đen, cán bằng INOX màu trắng ốp vỏ nhựa màu đen hình vòng cung, dài 50cm, bản rộng 05cm, là công cụ Nguyễn Tấn Đ1 và đồng phạm sử dụng đe dọa và bắt, giữ bị hại anh Vũ Văn P2 và anh Võ Anh T2.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme C11, số imei: 864408043185297, số sim 0385.191.737 (màn hình bị bể) là tài sản của bị cáo Nguyễn Tấn Đ1 sử dụng làm phương tiện phạm tội.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Tấn Đ1, Lê Đức Q, Nguyễn Công M1 và Quán Phan Huy H4 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Tấn Đ1, Lê Đức Q, Nguyễn Công M1, Quán Phan Huy H4 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành D1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại anh Vũ Văn P2, anh Võ Anh T2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Thành C, chị Trần Thị D vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đ (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. B (2);
- Nhà tạm giữ Công an TP. B (1);
- Thi hành án hình sự (6);
- Bị cáo (4);
- Bị hại (2);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (3);
- Lưu hồ sơ vụ án (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Dung

